

Số: 09/2020/QĐST–HNGĐ

Phú Thọ, ngày 20 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Ông Nguyễn Hà Giang

- **Thư ký phiên họp:** Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Long Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2020/TLST -VDS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”.

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2020/QĐST - VDS ngày 07 tháng 02 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Danh L, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Tổ 10, phong Triều, xã N, huyện P, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Đài Bắc, Đài Loan. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979. Nơi ĐKKHKT: Tổ 10, phong Triều, xã N, huyện P, thành phố Hà Nội. Nơi làm việc: Công ty TNHH G&T Phú Thọ. Địa chỉ trụ sở công ty: Số nhà 136, tổ 18, khu 4, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Phạm Danh L và chị Nguyễn Thị N và bản tự khai của chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Danh L và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 21/5/1998, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Năm 2006, anh Phạm Danh L đi làm việc và sinh sống tại Đài Loan, do sống xa nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng vẫn không đạt được hạnh phúc. Do sống ly thân đã nhiều năm nên anh L và chị N xác định không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh L và chị N có 01 con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 10/01/1999. Cháu L đã trưởng thành nên việc cháu ở với ai sau khi anh chị ly hôn do cháu quyết định. Anh L và chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh Phạm Danh L tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và đơn xin giải quyết vắng mặt theo như đơn đề nghị giám định của chị Nguyễn Thị N.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa phiên họp, thư ký phiên họp và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của thẩm phán tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung việc dân sự: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Danh L và chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Không đặt ra xem xét, về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị N xin chịu cả 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Theo như công văn số 943/A08-P5 ngày 21/01/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Phạm Danh L đã xuất cảnh ngày 29/8/2007 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về nội dung:

- Tại Bản kết luận giám định số: 173/KLGD – PC 09 ngày 30/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “Liêm” và các chữ “Phạm Danh L” dưới mục “Họ và tên chồng (ký, ghi rõ họ tên, điểm chỉ ngón trỏ tay trái và ngón trỏ tay phải); Người làm đơn (Ký, ghi rõ họ và tên, điểm chỉ ngón trỏ tay trái và ngón trỏ tay phải)” trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự (Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn); Đơn xin giải quyết vắng mặt” (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết “Liêm” và các chữ “Phạm Danh L” dưới mục “Chủ đất (Ký ghi rõ họ tên); chữ ký của chồng” trên “Hồ sơ trích đo thửa đất của hộ được giao đất; giấy chứng nhận kết hôn” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký và viết ra. Do vậy, có thể khẳng định đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, đơn xin giải quyết vắng mặt thể hiện ý chí của anh Phạm Danh L trong vụ việc dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Danh L và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 21/5/1998, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh Lđi làm việc và sinh sống tại Đài Loan, do sống xa nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng vẫn không đạt được hạnh phúc. Do sống ly thân đã nhiều năm nên anh L và chị N xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn. Do vậy, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Danh L và chị Nguyễn Thị N là phù hợp với điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: anh L và chị N có 01 con chung là Phạm Thùy L, sinh ngày 10/01/1999. Cháu L đã trưởng thành, lao động tự túc được nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh L và chị N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị N tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 điều 39; khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Danh L và chị Nguyễn Thị N.

[2]. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, công nợ: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị N xin chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004057 ngày 08/01/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã N, huyện P, thành phố Hà Nội.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Hà Giang